

Số: 4694/QĐ-VĐ

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp
Gói mua sắm thuốc số 03: Cung cấp thuốc cho hoạt động
Nhà thuốc Bệnh viện năm 2026 - 2027

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN HỮU NGHỊ VIỆT ĐỨC

Căn cứ Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 của Quốc hội;

Căn cứ Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quy hoạch, Luật đầu tư, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật đấu thầu;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH25 ngày 01/07/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu thầu, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật hải quan, Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật đầu tư, Luật đầu tư công, Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Luật được số 105/2016/QH13 ngày 06/04/2016;

Căn cứ Luật số 44/2024/QH15 ngày 21/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật được;

Căn cứ Nghị định số 163/2025/NĐ-CP ngày 29/06/2015 quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật được;

Căn cứ Quyết định số 1184/QĐ-BYT ngày 29/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành quy chế tổ chức hoạt động của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức;

Căn cứ Quyết định số 921/QĐ-BYT ngày 11/4/2024 của Bộ Y tế về việc Quy định thẩm quyền quyết định việc mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ phục vụ hoạt động của các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Y tế;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng Thuốc và điều trị ngày 09/04/2026;

Căn cứ công văn số 2297/VĐ-NT ngày 15/04/2026 của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức về việc đề nghị gửi hồ sơ tham dự cung cấp hàng hóa cho hoạt động Nhà thuốc Bệnh viện;

Căn cứ Quyết định số 6506/QĐ-VĐ ngày 12/11/2025 của Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức về việc ban hành hướng dẫn và các biểu mẫu thực hiện mua sắm hàng hóa tại Nhà thuốc Bệnh viện;

Căn cứ Hồ sơ yêu cầu tham dự cung cấp hàng hóa của các Công ty;

Căn cứ Báo cáo đánh giá hồ sơ tham dự cung cấp hàng hóa Gói mua sắm thuốc số 03: Cung cấp thuốc cho hoạt động Nhà thuốc Bệnh viện năm 2026 -2027 ngày 14 tháng 07 năm 2026;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng Khoa học và Công nghệ Bệnh viện ngày 14/07/2026;

Căn cứ Tờ trình ngày 15 tháng 07 năm 2026 về việc đề nghị phê duyệt danh mục, số lượng, yêu cầu kỹ thuật, nguồn vốn, giá dự toán, hình thức mua sắm Gói mua sắm thuốc số 03: Cung cấp thuốc cho hoạt động Nhà thuốc Bệnh viện năm 2026 – 2027;

Căn cứ Quyết định số 4599 /QĐ-VĐ ngày 15 tháng 07 năm 2026 của Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức về việc phê duyệt danh mục, số lượng, yêu cầu kỹ thuật, nguồn vốn, giá dự toán, hình thức mua sắm Gói mua sắm thuốc số 03: Cung cấp thuốc cho hoạt động Nhà thuốc Bệnh viện năm 2026 – 2027;

Căn cứ Biên bản hoàn thiện hợp đồng giữa Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức và các Công ty.

Căn cứ Tờ trình ngày 20 tháng 07 năm 2026 về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp Gói mua sắm thuốc số 03: Cung cấp thuốc cho hoạt động Nhà thuốc Bệnh viện năm 2026 – 2027;

Theo đề nghị của Trưởng Nhà thuốc và Trưởng phòng Tài chính kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp của gói mua sắm thuốc số 03: Cung cấp thuốc cho hoạt động Nhà thuốc Bệnh viện năm 2026-2027, bao gồm:

1. Thông tin về gói mua sắm

- Tên gói mua sắm: Gói mua sắm thuốc số 03: Cung cấp thuốc cho hoạt động Nhà thuốc Bệnh viện năm 2026 – 2027.

- Nguồn vốn: Nguồn thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ.

- Chủ đầu tư: Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức.

Giá dự toán: 37.241.866.600 (Bằng chữ: Ba mươi bảy tỷ, hai trăm bốn mươi một triệu, tám trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm đồng).

- Hình thức mua sắm đối với thuốc nằm trong danh mục đã trúng thầu theo hình thức đấu thầu rộng rãi tại các cơ sở y tế khác, trúng thầu mua sắm tập trung cấp quốc gia, cấp địa phương, lựa chọn đơn vị cung cấp là đơn vị có giá chào thấp nhất, giá đó không cao hơn dải giá trong vòng 12 của các đơn vị đã trúng thầu theo hình thức đấu thầu rộng rãi trên trang mua sắm công làm cơ sở lựa chọn đơn vị cung cấp.

- Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định
- Thời gian thực hiện gói mua sắm: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

2. Thông tin về nhà cung cấp đạt yêu cầu đề nghị cung ứng

STT	Tên công ty	Số khoản	Giá đề nghị cung cấp
1	CÔNG TY CỔ PHẦN AMERIVER VIỆT NAM	01	197.600.000
2	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM BẢO NGÂN	01	141.750.000
3	CÔNG TY TNHH DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH MINH	01	76.000.000
4	CÔNG TY TNHH ĐẠI BẮC	02	3.783.850.000
5	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ THƯƠNG MẠI ĐẠI THỦY	01	1.800.000.000
6	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC LIỆU TW2	08	1.775.732.000
7	CÔNG TY CỔ PHẦN EQPHARM	01	553.000.000
8	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	03	910.132.000
9	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM HACINCO VIỆT NAM	01	3.200.700.000
10	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐTYT HALIPHAR	01	220.000.000
11	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HIẾU ANH	01	178.500.000
12	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TTBYT HOÀNG ĐỨC	01	3.342.600
13	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM KIÊN AN	01	5.145.000.000
14	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM KIM LIÊN	01	233.200.000
15	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM QUANG CƯỜNG	01	759.000.000
16	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI	01	51.660.000
17	CÔNG TY CỔ PHẦN Y DƯỢC TÂY DƯƠNG	01	11.792.400.000
18	CÔNG TY CỔ PHẦN TMDV THĂNG LONG	01	6.420.000.000
	Tổng số: 18 nhà cung cấp	28	37.241.866.600

- Tổng giá trị cung ứng: 37.241.866.600 (Bằng chữ: Ba mươi bảy tỷ, hai trăm bốn mươi một triệu, tám trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm đồng) bao gồm 18 công ty, cung ứng 28 khoản thuốc.

3. Thông tin nhà cung cấp không đạt yêu cầu đề nghị cung cấp: không có

4. Thông tin danh mục thuốc, nhà cung cấp đáp ứng yêu cầu đề nghị cung cấp: chi tiết như phụ lục đính kèm.

Điều 2: Tổ chức thực hiện

Giao Nhà thuốc, Phòng Tài chính kế toán căn cứ nội dung được duyệt tại Điều 1 Quyết định này, tiến hành tổ chức thực hiện các bước tiếp theo quy định tại Quyết định số 6506/QĐ-VĐ ngày 12/11/2025 của Giám đốc Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức về việc ban hành hướng dẫn và các biểu mẫu thực hiện mua sắm hàng hóa tại Nhà thuốc Bệnh viện và các văn bản hướng dẫn dẫn hiện hành.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Nhà thuốc Bệnh viện, Phòng Tài chính kế toán chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, NT, TCKT.



Dương Đức Hùng

BỆNH VIỆN HỮU NGHỊ VIỆT ĐỨC
NHÀ THUỐC - PHÒNG TỰC T

PHỤ LỤC : DANH MỤC THUỐC, NHÀ CUNG CẤP ĐỀ NGHỊ CUNG CẤP

Gợi mua sắm thuốc số 03: Cung cấp thuốc cho hoạt động nhà thuốc Bệnh viện năm 2026 - 2027
(Kèm theo Quyết định số 4694 /QĐ-VD ngày 20 tháng 07 năm 2026)

STT	STT theo thứ tự báo giá	Tên thuốc	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm thuốc	Hạn dùng (Tuần, tháng)	GDKLH hoặc GPNN	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT, VND)	Thành tiền (VND)	Đơn giá trúng thầu	QĐ trúng thầu và ngày trúng thầu	Cơ sở y tế trúng thầu	Hợp đồng
1. Công ty cổ phần Ameriver Việt Nam																				
1	6	Colchicina Seid 1mg Tablet	Colchicin	1mg	Uống	Viên nén	Hộp 2 vỉ x 20 viên	Nhóm 1	60 tháng	840115989 624 (VN-22254-19)	Seid, S.A	Spain	Viên	38.000	5.200	197.600.000	5.350	Quyết định số 2212/QĐ-BVĐKT ngày 22/12/2025	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Tĩnh	Hợp đồng số HD250022477 9_2512240114 ngày 26/12/2025
Tổng số khoản: 01 khoản																197.600.000				
Một trăm chín mươi bảy triệu sáu trăm nghìn đồng																				
2. Công ty TNHH Dược phẩm Bảo Ngân																				
1	21	Spivovell	Spironolactone	25mg	Uống	Viên nén	Hộp 1 chai 100 viên	Nhóm 1	24 tháng	6401100350 424	Ocison Cooperation / Ocison Pharma	Phân Lan	Viên	50.000	2.835	141.750.000	2.835	1203/QĐ-BVLKTW ngày 15/08/2025	Bệnh viện Lao khoa Trung ương	67/TV2025G1 QĐ1203/BVLKTW-BN ngày 15/08/2025
Tổng số khoản: 01 khoản																141.750.000				
Một trăm bốn mươi sáu triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng																				
3. Công ty TNHH Dược - Trang Thiết bị y tế Bình Minh																				
1	19	Natri clorid 0,9%	Natri clorid	90mg/10ml	Nhỏ mũi, nhỏ mắt, nhỏ mũi	Dung dịch nhỏ mắt, nhỏ mũi	Hộp 1 lọ 10ml	4	24 tháng	VD-18075-12	Công ty TNHH Traphaco Hung Yên	Việt Nam	Lọ	20.000	3.800	76.000.000	3.800	185/QĐ-TYT ngày 10/02/2026	Tam Y tế Phường Hai Bà Trưng	HD260003759 3_2602241606 ngày 25/02/2026
Tổng số khoản: 01 khoản																76.000.000				
Bảy mươi sáu triệu đồng																				
4. Công ty TNHH Đại Bắc																				

STT	STT theo thứ tự báo giá	Tên thuốc	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm thuốc	Hạn dùng (Tuần/tháng)	GBKLIH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT, VND)	Thành tiền (VND)	Đơn giá trúng thầu	QĐ trúng thầu và ngày trúng thầu	Cơ sở y tế trúng thầu	Hợp đồng
1	4	Natrogen	Cefprozil (dưới dạng Cefprozil monohydrat)	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 4 viên	Nhóm 1	36 tháng	520110786 824 (VN-21377-18)	Remedina S.A	Hy Lạp	Viên	110.000	34.335	3.776.850.000	34.500	99/QĐ-BVĐHYD ngày 31/03/2025	Bệnh viện Đại học Y Dược	HD số HD260006423 ngày 06/04/2026
2	5	Cinnarizine Sapharma 25mg	Cinnarizine	25mg	Uống	Viên nén	Hộp 1 vỉ x 50 viên	Nhóm 1	60 tháng	380110009 623	Sopharma AD	Bangary	Viên	10.600	700	7.000.000	700	1344/QĐ-BVML ngày 25/08/2025	Bệnh viện Đa khoa Mễ Linh	HD số HD250013546 ngày 04/09/2025
Tổng số khoản: 02 khoản																3.783.850.000				
Đa tỷ, bảy trăm tám mươi ba triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng																				
5. Công ty cổ phần Dược phẩm và Thương mại Đại Thủy																				
1	23	Genlovir	Valganciclovir (dưới dạng valganciclovir hydrochloride 496,3mg)	450mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 03 vỉ x 10 viên	N4	36 tháng	893114300 824	Công ty TNHH Sinh Dược phẩm Hena	Việt Nam	Viên	4.000	450.000	1.800.000.000	485.000	QĐ số: 62/QĐ-BVĐKGD ngày 26/01/2026	Bệnh viện Đa Khoa Đức Giang	HD260002375 ngày 02/02/2026
Tổng số khoản: 01 khoản																1.800.000.000				
Một tỷ, tám trăm triệu đồng																				
6. Công ty TNHH MTV Dược liệu TW2																				
1	1	Tegretol 200	Carbamazepine	200mg	Uống	Viên nén	Hộp 5 vỉ x 10 viên	BDG	24 tháng	VN-18397-14	Novartis Farma S.p.A.	Ý	Viên	70.000	1.554	108.780.000	1.554	Số QĐ: 5216/QĐ-BM, Ngày: 08/09/2025	Bệnh viện Bạch Mai	Số: HD2509111023 ngày 11/02/2025
2	2	Zinnat tablets 250mg	Cefuroxim (dưới dạng Cefuroxim axetil)	250mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 10 viên	BDG	36 tháng	VN-19963-16	Glaxo Operations UK Limited	Anh	Viên	15.000	12.510	187.650.000	12.510	Số QĐ: 206/QĐ-BVCTTW ngày 26 tháng 02 năm 2026	Bệnh viện Châm cứu Trung ương	Số: HD260004656 ngày 06/03/2026
3	5	Lipanthyl 200M	Fenofibrate	200mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 2 vỉ x 15 viên	BDG	36 tháng	VN-17205-13	Astrea Fontaine	Pháp	Viên	8.000	7.653	56.424.000	7.053	Số QĐ: 206/QĐ-BVCTTW; Ngày: 26/02/2026	Bệnh viện Châm cứu Trung ương	Số: HD260004656 ngày 10/03/2026
4	6	Lipanthyl Supra 160mg	Fenofibrate	160mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 10 viên	BDG	24 tháng	VN-15514-12	Astrea Fontaine	Pháp	Viên	3.500	10.058	35.203.000	10.058	Số QĐ: 206/QĐ-BVCTTW; Ngày: 26/02/2026	Bệnh viện Châm cứu Trung ương	Số: HD260004656 ngày 10/03/2026

STT	STT theo thứ tự báo giá	Tên thuốc	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Dạng dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm thuốc	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GDCLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT, VND)	Thành tiền (VND)	Đơn giá trúng thầu	QĐ trúng thầu và ngày trúng thầu	Cơ sở y tế trúng thầu	Hợp đồng
5	7	Keppra	Levetiracetam	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 6 vỉ x 10 viên	BDG	36 tháng	VN-18576-15	UCB Pharma SA	Bi	Viên	35.000	16.918	592.130.000	16.918	Số QĐ: 282/QĐ-BVNH; Ngày: 16/04/2026	Bệnh viện Nhi Hà Nội	Số: HD260098244 7_2604220843 ngày 24/04/2026
6	1	Dafion 1000mg	1000mg phân đoạn flavonoid vi hạt tinh chế ứng với: Diosmin 90% 900mg, Các flavonoid biểu thị bằng hesperidin 10%	900mg; 100mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	1	48 tháng	300100088 823	Les Laboratoire s Serrier Industrie	Pháp	Viên	95.000	7.694	730.930.000	7.694	Số QĐ: 8393/QĐ-BM; Ngày: 09/12/2025	Bệnh viện Bạch Mai	Số: HD250021711 3_2512161412 ngày 16/12/2025
7	13	Imdur	Isosorbide-5-mononitrate	60mg	Uống	Viên nén phóng thích kéo dài	Hộp 2 vỉ x 15 viên	2	36 tháng	VN-16127-13	AstraZeneca Pharmaceutical Co., Ltd	Trung Quốc	Viên	5.000	6.433	32.165.000	6.433	Số QĐ: 5283/QĐ-BM; Ngày: 10/09/2025	Bệnh viện Bạch Mai	Số: HD250014529 0_2509161031 ngày 17/09/2025
8	14	Imdur	Isosorbide-5-mononitrate	30mg	Uống	Viên nén phóng thích kéo dài	Hộp 2 vỉ x 15 viên	2	36 tháng	VN-16126-13	AstraZeneca Pharmaceutical Co., Ltd	Trung Quốc	Viên	10.600	3.245	32.450.000	3.245	Số QĐ: 107/QĐ-DGTS(01/TR-DGTS.1); Ngày: 29/12/2025	Sở Y tế Thái Nguyên - Bệnh viện A	Số: HD2600002791 6_2602031736 ngày 10/02/2026
Tổng số khoản: 04 khoản																1.775.732.000				
Một tỷ, bảy trăm bảy mươi mốt ngàn đồng																				
7. Công ty cổ phần EQPharm																				
1	12	Ucefin	Glucosamin sulfat + Natri chondroitin sulfat	750mg + 250mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên, Hộp 5 vỉ x 10 viên, Hộp 6 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên, Chai 30 viên, Chai 50 viên, Chai 60 viên, Chai 100 viên	Nhóm 4	36 tháng	893100748 624	Công ty cổ phần Dược Phúc Vinh	Việt Nam	Viên	70.000	7.900	553.000.000	8.100	QĐ số: 2094/QĐ-BVPTƯ ngày 11/12/2025	Bệnh viện Phổi Trung ương	HD số: 12/L2-2025/BVPTW + EQPharm/NT IV ngày 16/12/2025
Tổng số khoản: 01 khoản																553.000.000				
Năm trăm lăm mươi ba triệu đồng																				

STT	STT theo thứ tự mỗi báo giá	Tên thuốc	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm thuốc	Hạn dùng (Tuần thọ)	GDKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT, VND)	Thành tiền (VND)	Đơn giá trúng thầu	QĐ trúng thầu và ngày trúng thầu	Cơ sở y tế trúng thầu	Hợp đồng
8. Công ty TNHH Dược phẩm Gigamed																				
1	3	Minirin	Desmopressin (dạng dạng Desmopressin acetat)	0,089mg (0,1mg)	Uống	Viên nén	Hộp 1 chai 30 viên	BDG	24 tháng	VN-18893-15 (Cà QĐ gia hạn số 573/QĐ-QLD ngày 23/09/2022)	Ferring International Center S.A.	Thụy Sĩ	Viên	4.000	18.813	75.252.000	18.813	185/QĐ-BVN ngày 26/03/2026	Bệnh viện Nhi Thành Hòa	HD260096678 6_2604011406 NGAY 06/04/2026
2	8	Medrol	Methylprednisolone	16mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	DDG	36 tháng	800110991824	Pfizer Italia S.R.L.	Italy	Viên	36.000	3.930	141.480.000	3.930	439/QĐ-BVĐL ngày 21/04/2026	Bệnh viện Đa khoa	HD260008304 3_2604221304 ngày 24/04/2026
3	17	Depo-Medrol	Mỗi ml chứa: Methylprednisolone acetat	40mg	Tiêm	Hỗn dịch tiêm	Hộp 1 lọ 1ml	Nhóm 1	36 tháng	540110991924	Pfizer Manufacturing Belgium NV	Belgium	Lọ	20.000	34.670	693.400.000	34.670	145/QĐ-BVM ngày 12/02/2026	Bệnh viện Mắt Thành Hòa	HD260003735 1_2603241197 ngày 27/03/2026
Tổng số khoản: 03 khoản																910.132.000				
Chín trăm mười triệu, một trăm ba mươi hai nghìn đồng																				
9. Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Hacinco Việt Nam																				
1	18	Naroxyn eff 250	Naproxen	250mg	Uống	Viên sủi	Hộp 5 vỉ x 4 viên	4	24 tháng	VD-35280-21	Công ty Cổ Phần Dược VITYT Hà Nam	Việt Nam	Viên	470.000	6.810	3.200.700.000	6.810	368/QĐ-BVTTVN; 23/12/2025	Bệnh viện Thể thao Việt Nam	HD250022806 9_2512261105 ; 29/12/2025
Tổng số khoản: 01 khoản																3.200.700.000				
Ba tỷ, hai trăm triệu, bảy trăm nghìn đồng																				

STT	STT theo thứ tự báo giá	Tên thuốc	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm thuốc	Hạn dùng (Tuần/tháng)	GDCLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT, VND)	Thành tiền (VND)	Đơn giá trúng thầu	QĐ trúng thầu và ngày trúng thầu	Cơ sở y tế trúng thầu	Hợp đồng
10. Công ty cổ phần thương mại và DTVT Haliphar																				
1	1	Amifull	Cao khô Devil's Claw (Extractum Harpagophyti sicum) (tương đương với 1050-1500mg rễ cây Devil's Claw (Harpagophytum procumbens DC, hoặc Harpagophytum zeyheri Decne))	300mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ, 6 vỉ x 10 viên	N4	36 tháng	893200128 860 (QLDB-772-19)	Công ty Cổ phần dược phẩm trung ương Mediplantex	Việt Nam	Viên	22.000	10.000	220.000.000	10.000	Số 259/QĐ-BVT ngày 22/01/2026	Bệnh viện Tim Hà Nội	Hợp đồng số 02/259/NTBV ký ngày 27/01/2026
Tổng số khoản: 01 khoản																220.000.000				
Hội trùn hai mươi triệu đồng																				
11. Công ty TNHH Dược phẩm Hiếu Anh																				
1	3	Pricefil	Cefprozil (dưới dạng Cefprozil monohydrate)	250mg/5ml	Uống	Bột pha hỗn dịch uống	Hộp 1 chai bột pha hỗn dịch uống 30ml	1	36 tháng	520110785 524 (VN-18238-14)	VIANEX S.A. - Plant D'	Hy Lạp	Lọ	1.600	178.500	178.500.000	178.500	Số 277/QĐ-BM ngày 29/01/2026	Bệnh viện Bạch Mai	Hợp đồng số HD260002369 ngày 02/02/2026
Tổng số khoản: 01 khoản																178.500.000				
12. Công ty TNHH Dược phẩm và TBYT Hoàng Đức																				
1	4	No-Spa 40mg/2ml	Drotaverine hydrochloride	40mg/2ml	Tiêm bắp / Tiêm tĩnh mạch	Dạng dịch thuốc tiêm	Hộp 5 vỉ x 5 ống 2ml	BDG	36 tháng	VN-23047-22	Chinoin Pharmaceutical and Chemical Works Private Co., Ltd.	Hungary	Ống	600	5.571	3.342.600	5.571	164/QĐ-BVTN ngày 28/01/2026	BV Thống Nhất	HĐ260002598 ngày 03/02/2026
Tổng số khoản: 01 khoản																3.342.600				
Ba triệu, ba trăm bốn mươi hai nghìn, sáu trăm đồng																				

STT	STT theo thứ tự báo giá	Tên thuốc	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm thuốc	Hạn dùng (Tuần/tháng)	GDCLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT, VND)	Thành tiền (VND)	Đơn giá trúng thầu	QĐ trúng thầu và ngày trúng thầu	Cơ sở y tế trúng thầu	Hợp đồng
13. Công ty TNHH Dược phẩm Kiên An																				
1	22	Sorugam 300mg	Tiaprofenic acid	300mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	893110582124	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận	Việt Nam	Viên	525.000	9.800	5.145.000.000	9.800	QĐ Số: 889/QĐ-BV Ngày 03/02/2026	Bệnh Viện Trung Ương Quân Đội 108	HD số: 563/HD-BV108 Ngày 24/02/2026
Tổng số khoản: 01 khoản																5.145.000.000				
Năm tỷ, một trăm bốn mươi năm triệu đồng																				
14. Công ty TNHH Dược phẩm Kim Liên																				
1	8	Ibsaga 20	Dicyclomin hydrochlorid	20mg	uống	viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	36 tháng	8931100004523	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Việt Nam	viên	40.000	5.830	233.200.000	5.838	550/QĐ-BVĐK ngày 19/03/2026	Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Bình	760/HD-BVĐK-KIMLIEN ngày 27/03/2026
Tổng số khoản: 01 khoản																233.200.000				
Hai trăm ba mươi ba triệu, hai trăm nghìn đồng																				
15. Công ty cổ phần Dược phẩm Quang Cường																				
1	7	Biobrans	Choline alfoscerate	600mg/7ml	nồng	Dung dịch uống	Hộp 03 vỉ x 05 ống 7ml	4	36 tháng	VD-35350.21	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3	Việt Nam	Ống	55.000	13.800	759.000.000	16.750	115/QĐ-BVC ngày 07/07/2025	BVC	HD2500142125_2507161002 ngày 24/07/2025
Tổng số khoản: 01 khoản																759.000.000				
Bảy trăm năm mươi chín triệu đồng																				
16. Công ty cổ phần Dược phẩm Savi																				
1	10	Savi Eperisone 50	Eperison hydrochlorid	50mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Nhóm 2	36 tháng	VD-2125114	Công ty Cổ phần Dược phẩm SaVi	Việt Nam	Viên	140.000	369	51.660.000	369	62/QĐ-BVĐKDG ngày 26/01/2026	Bệnh viện Đa khoa Đức Giang	HD2600019387_2601272051 ngày 02/02/2026
Tổng số khoản: 01 khoản																51.660.000				

STT	STT theo thứ tự báo giá	Tên thuốc	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm thuốc	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GDKL/H hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT, VND)	Thành tiền (VND)	Đơn giá trừ thuế	QĐ trúng thầu và ngày trúng thầu	Cơ sở y tế trúng thầu	Hợp đồng
Năm mươi một triệu, sáu trăm sáu mươi nghìn đồng																				
17. Công ty Cổ phần Y dược Tây Dương																				
1	15	Boncinco	Lysin HCL + Thiamin HCL + Riboflavin + Pyridoxin HCL + Cholecalciferol + D,L-alpha-Tocopheryl acetat + Nicotinamid + Desipinthenol + Calci (dưới dạng Calci lactat pentahydrat)	(300mg + 3mg + 3,5mg + 6mg + 400IU + 15mg + 20mg + 10mg + 130mg)/ 15ml	Uống	Siro thuốc	Hộp 20 ống x 15ml	Nhóm 4	24 tháng	893160224 625	Công ty cổ phần Dược VTYT Hà Nam	Việt Nam	Ống	634.000	18.600	11.792.400.000	18.600	2024/QĐ-BVPTƯ ngày 11/12/2025	Bệnh viện Phổi Trung ương	36/L.2-2025/BVPTW -Tây Dương/NTBV ngày 12/12/2025
Tổng số khoản: 01 khoản																11.792.400.000				
Mười một tỷ, bảy trăm chín mươi hai triệu, bốn trăm nghìn đồng																				
18. Công ty Cổ phần TMDV Thăng Long																				
1	2	Giroxi	Azithromycin (dưới dạng Azithromycin dilydrate)	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 3 viên	1	36 tháng	560110006 224 (VN-19590-16)	Blacpharma - Industria Farmaceutica, S.A. (Fab.)	Portugal	Viên	120.000	53.500	6.420.000.000	53.500	* QĐ số: 542/QĐ-SYT * Ngày: 01/08/2025	Sở Y tế tỉnh Sơn La	* HD số: HD250013727 3.2509042157 * Ngày ký: 08/09/2025
Tổng số khoản: 01 khoản																6.420.000.000				
Sáu tỷ, bốn trăm hai mươi triệu đồng																				
Tổng cộng: 28 khoản																37.241.866.600				
Bảng chữ: Ba mươi bảy tỷ, hai trăm bốn mươi mốt triệu, tám trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm đồng																				



GIÁM ĐỐC

Dương Đức Hùng